

Số: 389/2026/QĐST-HNGĐ

TP., ngày 17 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2026/TLST-HN ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1985;

Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: **A đường B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Căn cứ vào Điều 112 và Điều 113 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị H** và ông **Nguyễn Thanh T** (Giấy chứng nhận kết hôn số 8412014 do Ủy ban nhân dân Phường H1, Quận D cấp ngày 22/9/2014).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà **H** và ông **T** xác định có một con chung tên **Nguyễn Hoàng N**, sinh ngày 13/12/2017. Khi ly hôn, bà **H** và ông **T** thỏa thuận giao con chung cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con bà **H** và ông **T** tự thỏa thuận giải quyết.

Ông **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; Nhưng ông **T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

2.3. Về nghĩa vụ chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có.

2.4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T chịu toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà H và ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016634 ngày 18/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trung Tính